

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2023

V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly
hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng;

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Ngọc N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 228, đường NQ, Tổ SL, khóm M, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng Nh, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 842, đường PL, Khóm N1, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, anh Nh vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh Nh kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường S, thành phố C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Nh

ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bởi liêu lỏng, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị N nhiều lần khuyên can nhưng anh Nh không thay đổi dẫn đến mục đích xây dựng gia đình không đạt được. Hiện nay mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Chị N và anh Nh ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 07/9/2008, hiện con chung đang sống với anh Nh. Sau khi ly hôn, chị N đồng ý để anh Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì anh Nh hiện đang chăm sóc con tốt và nguyện vọng của con chung cũng muốn sống chung với anh Nh, chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng Nh: Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nh nhưng anh Nh không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022, nguyên đơn chị Bùi Ngọc N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hoàng Nh, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Yến L, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hoàng Nh là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Số 842, đường PL, Khóm N1, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh Nguyễn Hoàng Nh nhưng anh Nguyễn Hoàng Nh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc N và anh Nguyễn Hoàng Nh tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 128; quyền số 01 ngày 20/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Phường S, thành phố C nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời chị N trình bày, trong quá trình vợ chồng chị N và anh Nh chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Nh ham chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị N nhiều lần khuyên can nhưng anh Nh không thay đổi dẫn đến mục đích xây dựng gia đình không đạt được.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chung sống, chị N và anh Nh phát sinh mâu thuẫn là có thật và vợ chồng anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Thời gian xa nhau, anh chị cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/5/2023, chị N xác định đã không còn tình cảm với anh Nh. Về phía anh Nh, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nh nhưng đến nay anh vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị N và anh cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị N. Do mâu thuẫn giữa chị N và anh Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Ngọc N, chị Bùi Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Nh.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị N và giấy khai sinh số 224, quyền số 01, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố C, đăng ký ngày 22/9/2009, Hội đồng xét xử nhận định chị N và anh Nh có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 07/9/2008, hiện con chung đang sống với anh Nh. Trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/5/2023, chị N xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Hoàng Nh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ngọc N. Chị Bùi Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Nh.

2. Về con chung: Chị Bùi Ngọc N và anh Nguyễn Hoàng Nh có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 07/9/2008. Hiện con chung đang sống với anh Nguyễn Hoàng Nh. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011942 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Anh Nguyễn Hoàng Nh không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Ngọc N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng Nh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng